TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2023/DS-ST
Ngày 14 tháng 03 năm 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Phạm Thị Chuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Trương Đức Lâm

2, Ông Nguyễn X Hoàng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 17/01/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S (Tên gọi khác: Nguyễn Thị X), sinh năm 1982. Cư trú: Tổ dân phố ĐT, TTT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Minh NG, sinh năm 1982 (tên gọi khác: Trần Thị NG). Cư trú: Tổ dân phố PT, TTT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đăng Tiến, sinh năm 1976. Cư trú: Tổ dân phố ĐT, TTT, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

(Chị S, chị NG có mặt, anh Tiến vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S (Tên gọi khác: Nguyễn Thị X) trình bày: Giữa vợ chồng chị với chị Trần Thị Minh NG (tên gọi khác là Trần Thị NG) có quan hệ hàng xóm láng giềng. Trong năm 2013, chị NG nhiều lần vay tiền của vợ chồng chị với tổng số tiền 176.000.000 đồng, mỗi lần chị NG vay tiền của chị thì chị NG đều viết và ký nhận vào sổ của chị. Các bên có thỏa thuận tiền lãi nhưng không ghi vào sổ nhận nợ. Có hai khoản vay ngày 05/6/2013 vay số tiền 10.000.000 đồng và ngày 30/6/2013 với số tiền 5.000.000 đồng là chữ viết của chị,

không phải chữ của chị NG. Nhiều lần yêu cầu chị NG trả tiền nhưng chị NG không trả cho chị. Chị NG khai đã trả cho chị tổng số tiền 54.000.000 đồng, hiện chị NG chỉ còn nợ chị tổng số tiền 107.000.000 đồng là không đúng, không có việc chị NG trả chị tổng số tiền này. Chị NG yêu cầu được trả dần số tiền 107.000.000 đồng thì chị không đồng ý. Mỗi lần chị NG trả tiền cho chị thì chị đều gạch sổ. Hai khoản vay ngày 05 vày ngày 30/6/2013 với tổng số tiền 15.000.000 đồng do chị NG không thừa nhận nên chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, sau khi trừ đi số tiền 15.000.000 đồng, nay chị yêu cầu chị NG trả tổng số tiền 161.000.000 đồng. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

* Bị đơn là chị Trần Thị Minh NG trình bày: Chị và vợ chồng chị S, anh Tiến là chỗ quen biết, là hàng xóm nên chị có vay tiền của chị S (tức X) để làm ăn.

Chị bắt đầu vay của chị S từ năm 2013, vay nhiều lần, mỗi lần vay chị đều ký vào sổ của chị S. Chữ viết trong các giấy tờ do chị S cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của chị, chị ký nhận nợ với tổng số tiền 161.000.000 đồng. Còn hai khoản vay ngày 05/6/2013 vay số tiền 10.000.000 đồng và ngày 30/6/2013 với số tiền 5.000.000 đồng không phải là chữ viết của chị. Đến khoảng năm 2015, do chị bị vỡ nợ, kinh tế gặp nhiều khó khăn nên không trả nợ được cho chị S. Chị S liên tục đến nhà đòi tiền nhưng chị đề nghị trả dần thì chị S không đồng ý. Chị đã trả cho chị S mấy lần được tổng số tiền 54.000.000 đồng, các lần trả tiền các bên không viết giấy tờ gì, chị không có chứng cứ gì để chứng minh. Nay chị xác định chỉ còn nợ chị S tổng số tiền 107.000.000 đồng, chị đồng ý trả chị S số tiền này và xin trả dần.

Chị S yêu cầu chị trả số tiền 161.000.000 đồng thì chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả chị S số tiền 107.000.000 đồng và xin được trả dần.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Buộc chị Trần Thị Minh NG trả chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác là X) số tiền 161.000.000 đồng.

+ Về án phí: Chị Trần Thị Minh NG phải chịu án phí DSST theo quy định. Hoàn trả chị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả chị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đăng Tiến đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Tiến.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị S yêu cầu chị Trần Thị NG trả khoản tiền vay là 161.000.000 đồng thì thấy: Các bên có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền vay nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463 của Bộ luật dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Chị Nguyễn Thị S yêu cầu chị Trần Thị Minh NG trả tổng số tiền 161.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc chị NG vay của chị S làm nhiều lần với tổng số tiền 161.000.000 đồng. Chị NG thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy tờ do chị S cung cấp cho Tòa án đúng là của chị, chị đã ký nhận nợ tổng số tiền 161.000.000 đồng. Nhiều lần chị S yêu cầu chị NG trả nợ nhưng chị NG không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc chị NG trình bày là đã trả cho chị S được số tiền gốc 54.000.000 đồng và chỉ còn nợ chị S số tiền gốc 107.000.000 đồng nhưng chị NG không có chứng cứ chứng minh, chị S không đồng ý với ý kiến này của chị NG nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của chị NG. Tại đơn khởi kiện, chị S yêu cầu chị NG trả tổng số tiền 176.000.000 đồng, nay chị S thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu chị NG trả tổng số tiền 161.000.000 đồng. Do chị NG không có chứng cứ chứng minh đã trả chị S số tiền 54.000.000 đồng nên chị S yêu cầu chị NG trả số tiền gốc 161.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[4]- Về án phí:

+ Chị NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của chị S được chấp nhận.

+ Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc chị Trần Thị Minh NG (Tên gọi khác là Trần Thị NG) phải trả cho chị Nguyễn Thị S (Tên gọi khác là Nguyễn Thị X) tổng số tiền là 161.000.000 đồng.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Minh NG (tên gọi khác là Trần Thị NG) phải chịu 8.050.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả chị S số tiền tạm ứng án phí 4.400.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008369 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi S quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Chuyền